

Bản án số: 110/2023/DS-ST

Ngày: 01/12/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

2. Bà Hà Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ngày 01 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc “*tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1979;
Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lương Văn L, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: số A, ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 30/12/2022, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày:*

Từ năm 2019 đến cuối tháng 8/2020, Công ty TNHH T (gọi tắt là công ty) có bán thức ăn, thuốc thủy sản cho ông Lương Văn L. Việc mua thức ăn và thuốc thủy sản, ông L đều có ghi nợ và công ty có mở sổ theo dõi. Đến cuối tháng 8/2020 công

ty và ông L đã đối chiếu công nợ và thống nhất ông L còn nợ lại công ty số tiền 138.490.000đ (một trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng). Ông L có hứa sau khi thu hoạch vụ tôm năm 2021 sẽ trả. Nhưng đến nay ông L vẫn không trả cho công ty.

Tại tòa, Công ty TNHH T yêu cầu ông Lương Văn L trả số tiền mua thức ăn, thuốc thủy sản còn thiếu tổng cộng 183.319.213đ (một trăm tám mươi Bệu, ba trăm mười chín nghìn, hai trăm mười ba đồng); trong đó tiền gốc: 138.490.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 01/12/2023: $138.490.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 39 \text{ tháng} = 44.829.213\text{đ}$ (bốn mươi bốn triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm mười ba đồng).

** Tại bản tự khai ngày 10/02/2023, trong quá trình tố tụng bị đơn ông Lương Văn L trình bày:*

Ông L thừa nhận có mua thức ăn, thuốc thủy sản nuôi tôm của Công ty TNHH T. Ông L và công ty có xác nhận công nợ và còn nợ lại công ty số tiền 138.490.000đ (một trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng). Do dịch bệnh xảy ra thường xuyên ông bị thất mùa nên chưa có tiền trả cho công ty A, Công ty không còn bán thức ăn, thuốc thủy sản cho ông nữa và hứa cho ông thiếu số tiền nợ khi nào có tiền sẽ hoàn trả lại và không có lãi suất. Ông xin khi ông xoay sở được qua giai đoạn khó khăn ông sẽ trả lại số tiền 138.490.000đ (một trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng) cho công ty.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Lương Văn L vắng mặt không lý do

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lương Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của Công ty TNHH T về việc yêu cầu ông Lương Văn L phải trả cho Công ty TNHH T số tiền mua bán còn thiếu tổng cộng 183.319.213đ (một trăm tám mươi Bệu, ba trăm mười chín nghìn, hai trăm mười ba

đồng); trong đó tiền gốc: 138.490.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng) và tiền lãi 44.829.213đ (bốn mươi bốn triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm mười ba đồng); Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Trong quá trình tố tụng, ông Lương Văn L hoàn toàn thừa nhận ông L có mua thức ăn, thuốc thủy sản với công ty TNHH T để phục vụ cho việc nuôi tôm. Đến tháng 8/2020 hai bên chốt lại số nợ ông L còn thiếu là 138.490.000đ (một trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng) và đến nay ông L vẫn chưa thanh toán. Hiện nay hai bên đã chấm dứt việc mua bán với nhau. Lời thừa nhận của bị đơn ông L là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, công ty TNHH T yêu cầu ông L trả số tiền nợ gốc còn thiếu 138.490.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng) là có cơ sở phù hợp với quy định tại các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi suất: Vào cuối tháng 8/2023, ông L và công ty TNHH T đã chấm dứt việc mua bán với nhau và chốt lại số nợ còn thiếu là 138.490.000 đồng nhưng đến nay ông L vẫn chưa thanh toán cho phía công ty TNHH T đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công ty TNHH T. Do đó, công ty TNHH T yêu cầu ông L có nghĩa vụ trả tiền lãi từ ngày 01/9/2020 đến ngày 01/12/2023, lãi suất là 0,83%/tháng với số tiền 44.829.213đ (bốn mươi bốn triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm mười ba đồng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch $(183.319.213đ \times 5\%) = 9.165.960đ$ (chín triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm sáu mươi đồng). Do yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T được chấp nhận nên ông L phải có nghĩa vụ nộp theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T. Buộc ông Lương Văn L có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH T số tiền mua bán còn thiếu tổng cộng là 183.319.213đ (một trăm tám mươi Bệu, ba trăm mười chín nghìn, hai trăm mười ba đồng); trong đó tiền gốc: 138.490.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng) và tiền lãi 44.829.213đ (bốn mươi bốn triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm mười ba đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 9.165.960đ (chín triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm sáu mươi đồng). Buộc ông Lương Văn L phải nộp.

Hoàn trả cho Công ty TNHH T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.200.000đ (Bốn triệu, hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001376 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Long

